

Số: 779/QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày 22 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán: Kinh phí xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (LHS Lào, LHV Lào) theo khung năng lực tiếng Việt, trường Cao đẳng Sơn La

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Nghị quyết số 37/202/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về Quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La tỉnh Sơn La;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ đối với Lưu học sinh nước CHDCND Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La;

Căn cứ Tờ trình số 02/TTr-KTCL ngày 15/8/2025 của Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng về việc đề nghị phê duyệt dự toán: Kinh phí xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (LHS Lào, LHV Lào) theo khung năng lực tiếng Việt, trường Cao đẳng Sơn La;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán: Kinh phí xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (LHS Lào, LHV Lào) theo khung năng lực tiếng Việt, trường Cao đẳng Sơn La, với nội dung chính như sau:

1. Dự toán: Kinh phí xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (LHS Lào, LHV Lào) theo khung năng lực tiếng Việt, trường Cao đẳng Sơn La.

2. Chủ đầu tư: Trường Cao đẳng Sơn La.

3. Địa điểm thực hiện: Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La.

4. Nội dung, quy mô đầu tư: Xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài dành cho lưu học sinh Lào, lưu học viên Lào theo khung năng lực tiếng Việt tại trường Cao đẳng Sơn La.

5. Giá trị dự toán phê duyệt: 317.300.000 đồng

(Bằng chữ: Ba trăm mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng chẵn)

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

6. Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách nhà nước.

7. Thời gian thực hiện: Từ tháng 4/2025- 9/2027

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - CTHSSV, Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng, Phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát triển khai thực hiện theo đúng quy định của nhà nước.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - CTHSSV; trưởng phòng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng; Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường Cao đẳng Sơn La và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu VT, TCHC, KH-TC.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC: DỰ TOÁN KINH PHÍ

**Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đánh giá năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (LHS Lào, LHS Lào)
theo khung năng lực tiếng Việt, trường Cao đẳng Sơn La**

(Kèm theo Quyết định số 779/QĐ-CDSL ngày 22/8/2025 của trường Cao đẳng Sơn La)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng câu/kỹ năng	Số lượng đề	Định mức	Tổng dự toán	Căn cứ, định mức
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)=(3)x(4)x(5)	(9)
1	Soạn thảo, biên tập câu trắc nghiệm					209.520.000	
1.1	Chi công xây dựng đề Kỹ năng nghe (1 bộ thi kỹ năng nghe gồm 55 câu trắc nghiệm: thời gian thi 60p và 01 đáp án)	Câu/đề	55	36	60.000	118.800.000	<i>Khoản 3. mục I, phần A- Nghị quyết 37/2022/NQ- HĐND ngày 14/7/2022</i>
1.2	Chi công xây dựng đề Kỹ năng nói (gồm 01 bộ đề thi gồm 3 phần: phần 1 - 6 câu hỏi, phần 2 - gồm 1 đoạn văn ngắn kèm hình ảnh yêu cầu thí sinh lựa chọn phương án và giải thích, phần 3 - gồm 1 chủ đề ngắn gồm 5 ý, phần 4 - 3 câu hỏi thêm; thời gian thi 15p	Đề	1	36	60.000	2.160.000	
1.3	Chi công xây dựng câu hỏi Kỹ năng đọc (40 câu trắc nghiệm trong 60p, gồm 2 phần, phần 1 gồm 2 bài - 16 câu, phần 2 gồm 3 bài - 24 câu và 01 bộ đáp án)	Câu/đề	40	36	60.000	86.400.000	
1.4	Chi công xây dựng câu hỏi Kỹ năng viết (01 bộ đề thi gồm 3 phần, thi trong 60p, mỗi phần gồm 1 đoạn văn ngắn kèm theo lời dẫn và 01 bộ đáp án và tiêu chí chấm của 3 phần	Đề	1	36	60.000	2.160.000	
2	Thẩm định ngân hàng đề thi					14.400.000	
2.1	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	4 kỹ năng	4	36	50.000	7.200.000	<i>Khoản 3. mục I, phần A- Nghị quyết 37/2022/NQ-</i>
2.2	Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	4 kỹ năng	4	36	40.000	5.760.000	

2.3	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	4 kỹ năng	4	36	10.000	1.440.000	<i>HĐND ngày 14/7/2022</i>
3	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn					73.380.000	<i>Nghị quyết số 123/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025</i>
3.1	Đợt 1: Thuê chuyên gia tập huấn					26.060.000	
	Bồi dưỡng chuyên gia (P.GS, Ts) (2 người x 4 ngày, mỗi ngày 02 buổi)	1.000.000/buổi	2	8	1.000.000	16.000.000	
	Phụ cấp tiền ăn (2 người x 4 ngày)	160.000/ngày	2	4	160.000	1.280.000	
	Chi vé xe (2 lượt *2 người* 320.000/lượt)	320.000/lượt	2	2	320.000	1.280.000	
	Khoản thuê phòng nghỉ (2 người * 3 đêm)	250.000/đêm	3	2	250.000	1.500.000	
	Nước uống, giải khát giữa giờ (25 người * 4 ngày, mỗi ngày 02 buổi)	30.000đ/buổi/người	25	8	30.000	6.000.000	
3.2	Đợt 2: Mời chuyên gia thẩm định cấp cơ sở					23.660.000	
	Bồi dưỡng chuyên gia (P.GS, Ts) (2 người x 4 ngày, mỗi ngày 02 buổi)	1.000.000/buổi	2	8	1.000.000	16.000.000	
	Phụ cấp tiền ăn (2 người x 4 ngày)	160.000/ngày	2	4	160.000	1.280.000	
	Chi vé xe (2 lượt *2 người* 320.000/lượt)	320.000/lượt	2	2	320.000	1.280.000	
	Khoản thuê phòng nghỉ (2 người * 3 đêm)	250.000/đêm	3	2	250.000	1.500.000	
	Nước uống, giải khát giữa giờ (15 người * 4 ngày, mỗi ngày 02 buổi)	30.000đ/buổi/người	15	8	30.000	3.600.000	
3.3	Đợt 3: Mời chuyên gia thẩm định cấp trường					23.660.000	
	Bồi dưỡng chuyên gia (P.GS, Ts) (2 người x 4 ngày, mỗi ngày 02 buổi)	1.000.000/buổi	2	8	1.000.000	16.000.000	
	Phụ cấp tiền ăn (2 người x 4 ngày)	160.000/ngày	2	4	160.000	1.280.000	
	Chi vé xe (2 lượt *2 người* 320.000/lượt)	320.000/lượt	2	2	320.000	1.280.000	
	Khoản thuê phòng nghỉ (2 người * 3 đêm)	250.000/đêm	3	2	250.000	1.500.000	
	Nước uống, giải khát giữa giờ (15 người * 4 ngày, mỗi ngày 02 buổi)	30.000đ/buổi/người	15	8	30.000	3.600.000	
4	Vấn phòng phẩm	Trọn gói				20.000.000	<i>Thực tế phát sinh</i>
	TỔNG CỘNG					317.300.000	